

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2023

NGÀNH KẾ TOÁN

Mã ngành: 8340301

Trình độ: Thạc sĩ

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 7 năm 2023

Số: 876/QĐ-ĐHKTL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 5 tháng 4 năm 2010 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên trong Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 393/QĐ-ĐHKTL ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của các ngành tại Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM.

Danh sách các ngành đào tạo và Chương trình đào tạo đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2023.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng, Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị thuộc Trường Đại học Kinh tế - Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, BDCL.



HIỆU TRƯỞNG

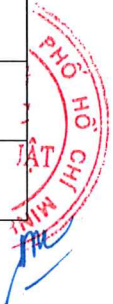
Hoàng Công Gia Khánh



DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **876** /QĐ-ĐHKTL ngày **03** tháng **7** năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

STT	Mã ngành	Tên ngành	Khoa quản lý	Ghi chú
1	8310101	Kinh tế học	Khoa Kinh tế	
2	8310102	Kinh tế chính trị	Khoa Kinh tế	
3	8310106	Kinh tế quốc tế	Khoa Kinh tế đối ngoại	
4	8340101	Quản trị kinh doanh	Khoa Quản trị kinh doanh	
5	8340201	Tài chính ngân hàng	Khoa Tài chính - Ngân hàng	
6	8340301	Kế toán	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
7	8380103	Luật dân sự và tố tụng dân sự	Khoa Luật	
8	8380107	Luật kinh tế	Khoa Luật kinh tế	



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 7 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 876/QĐ-ĐHKTL ngày 03 tháng 7 năm 2023

của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

1. Chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo: Kế toán
- + Tiếng Việt: Kế toán
- + Tiếng Anh: Accounting
- Mã ngành đào tạo: 8340301
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Phương thức đào tạo:
 - + Chương trình nghiên cứu: theo khoản 7, Điều 2 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
 - + Chương trình nghiên cứu phương thức 2: theo khoản 1, Điều 5 Quyết định 1393/QĐ – ĐHQG ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc ĐHQG TP. HCM
- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Số tín chỉ yêu cầu: 60 tín chỉ (không bao gồm tín chỉ ngoại ngữ)
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ kế toán
 - + Tiếng Anh: Master of Economics in Accounting
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Địa điểm đào tạo: Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM

2. Yêu cầu đối với người học

2.1. Phương thức tuyển sinh

Phương thức 1: Xét hồ sơ

Phương thức 2: Xét hồ sơ và tiểu ban chuyên môn phỏng vấn

Phương thức 3: Xét hồ sơ và tiểu ban chuyên môn phỏng vấn, kết hợp tổ chức thi

Tiếng Anh

2.2 Đối tượng và điều kiện tuyển sinh

Đối tượng tuyển thẳng

Phương thức xét tuyển: Xét hồ sơ

Ứng viên dự tuyển là người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển thẳng và có năng lực ngoại ngữ được quy định tại khoản 1 Điều 8 của Quyết định số 21/QĐ-ĐHQG ngày 06/01/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, gồm một trong những đối tượng sau:

Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10);

Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy là thủ khoa của ngành;

Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học đạt giải nhất, nhì, ba các kỳ thi Olympic sinh viên (giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; giải thưởng Eureka và các giải thưởng khoa học công nghệ cấp quốc gia, quốc tế được tổ chức ở trong nước và ngoài nước).

Đối tượng xét tuyển miễn ngoại ngữ

Phương thức xét tuyển: Xét hồ sơ và tiểu ban chuyên môn phỏng vấn

Ứng viên dự tuyển là người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

Ứng viên là người tham gia chương trình liên thông từ trình độ đại học lên trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế - Luật;

Ứng viên là người nước ngoài đã tốt nghiệp trình độ đại học ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển và có năng lực ngoại ngữ được quy định tại Phụ lục.

Đối tượng xét tuyển có dự thi môn Tiếng Anh

Phương thức xét tuyển: Xét hồ sơ và tiểu ban chuyên môn phỏng vấn, kết hợp tổ chức thi đánh giá năng lực Tiếng Anh

Ứng viên thuộc trường hợp xét tuyển, có bằng đại học hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) thuộc ngành phù hợp có nhu cầu tham gia đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nhưng chưa đáp ứng

năng lực ngoại ngữ được quy định tại khoản 1 Điều 8 của Quyết định số 21/QĐ-ĐHQG ngày 06/01/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Các điều kiện khác do Trường Đại học Kinh tế - Luật quy định trong Đề án tuyển sinh hằng năm.

2.3 Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo

Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh: 25

Quy mô đào tạo: 19

2.4. Danh mục ngành phù hợp/Học bổ sung kiến thức

Danh mục ngành phù hợp: Đề án tuyển sinh Sau đại học năm 2023 thực hiện theo danh mục các ngành thuộc nhóm ngành 731 và 734 theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT (Không bổ sung kiến thức).

TT	Ngành tốt nghiệp Đại học	Các học phần bổ sung, chuyển đổi kiến thức (tên học phần, số tín chỉ)
1	Kế toán, Kiểm toán	Không
2	Quản trị kinh doanh (8340101); Kinh doanh thương mại (8340121); Tài chính – Ngân hàng (8340201); Khoa học quản lý (8340401); Hệ thống thông tin quản lý (8340404)	1. Nguyên lý kế toán (3 TC) (Kế toán đại cương) 2. Kế toán tài chính (3 TC) 3. Lý thuyết kiểm toán (3TC)

Các quy định khác theo quy chế Tổ chức và Đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.1 Mục tiêu chung
Chương trình đào tạo thạc sĩ kế toán theo định hướng nghiên cứu được thiết kế hướng đến mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực có khả năng tổ chức, nghiên cứu, phân tích, đánh giá và xét đoán nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Học viên tốt nghiệp có khả năng đảm nhận vị trí giảng dạy kế toán, kiểm toán tại các trường đại học, cao đẳng; là chuyên gia nghiên cứu có khả năng khám phá, công bố các kiến thức mới trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán tại các viện, trung tâm nghiên cứu; là nhà quản lý có năng lực thiết kế, tổ chức, điều hành các công việc liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán tại các đơn vị hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp, các công ty đa quốc gia, các tập đoàn.

3.2 Mục tiêu cụ thể	
PO 1	Có khả năng lựa chọn và vận dụng thích hợp kiến thức ngành kinh doanh và quản lý để hỗ trợ cho việc học tập, xử lý công việc và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán.
PO 2	Có khả năng nhận diện những yếu kém trong công việc thiết kế, tổ chức, vận hành công tác kế toán, kiểm toán tại các đơn vị và đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện nhằm hướng đến hiệu quả cao trong hoạt động của đơn vị.
PO 3	Có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề phức tạp thuộc lĩnh vực Kế toán - Kiểm toán.
PO 4	Có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động Kế toán - Kiểm toán; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

4. Chuẩn đầu ra

4.1. Chuẩn đầu ra

Nội dung	Chuẩn đầu ra	Mức độ *
A. Kiến thức	PLO 1: Đưa ra nhận định, phán quyết của bản thân trong việc lựa chọn thích hợp kiến thức ngành kinh tế và kinh doanh để hỗ trợ cho việc học tập, xử lý công việc và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán.	5
	PLO 2: Độc lập và quyết đoán trong việc vận dụng kiến thức chuyên ngành để xử lý các vấn đề trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán trong môi trường hội nhập quốc tế về kế toán.	5
B. Kỹ năng	PLO 3: Thể hiện khả năng xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế và thực hiện công việc nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán – kiểm toán.	4
	PLO 4: Thể hiện khả năng nhận diện những yếu kém đối với công tác tổ chức và quản lý hoạt động trong nghề nghiệp kế toán và kiểm toán	4
	PLO 5: Lựa chọn công nghệ thông tin tiên tiến trong lĩnh vực kế toán kiểm toán phù hợp với đặc điểm và yêu cầu phát triển của đơn vị	4

	PLO 6: Xét đoán trong việc vận dụng các kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm phù hợp để đưa ra quyết định nghề nghiệp kế toán, kiểm toán	4
	PLO 7: Đánh giá và phản biện các quy định, chính sách liên quan đến nghề nghiệp kế toán kiểm toán.	4
C. Mức tự chủ và trách nhiệm	PLO 8: Thể hiện khả năng lập kế hoạch và thực hiện tự học, tự nghiên cứu suốt đời, khả năng lũy kinh nghiệm phát triển nghề nghiệp cá nhân	4
	PLO 9: Phát triển đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ luật pháp và tiêu chuẩn nghề nghiệp và đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội	4

* *Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: Kỹ năng (1-5), Krathwohl: Mức tự chủ và trách nhiệm/ Đạo đức trách nhiệm (1-5)*

4.2. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình cao học kế toán, học viên có thể đảm nhận các vị trí công việc sau:

- Giảng dạy kế toán, kiểm toán tại các trường đại học, cao đẳng;
- Chuyên gia nghiên cứu có khả năng khám phá, công bố các kiến thức mới trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán tại các viện, trung tâm nghiên cứu;
- Nhà quản lý có năng lực thiết kế, tổ chức, điều hành các công việc liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán tại các đơn vị hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp, các công ty đa quốc gia, các tập đoàn.

4.3. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau tốt nghiệp

Bên cạnh đó, học viên còn có năng lực tiếp tục nghiên cứu học tập lên bậc tiến sĩ ở trong và ngoài nước trong lĩnh vực Kế toán – Kiểm toán.

4.4. Trình độ ngoại ngữ

Chứng chỉ ngoại ngữ được công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ theo khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam được quy định theo Phụ lục 3 Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: chứng chỉ ngoại ngữ đạt bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (Tương đương B2 theo CEFR) của các cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQG – HCM công nhận. Ngoại ngữ đầu vào và đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.

5. Nội dung chương trình đào tạo

5.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

CTĐT cao học ngành Kế toán theo định hướng nghiên cứu được cấu trúc như sau:

Tổng số tín chỉ: 60 tín chỉ (Không bao gồm ngoại ngữ), trong đó:

- Khối kiến thức chung (bắt buộc): 7 tín chỉ
- Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 38
 - + Các học phần bắt buộc: 20
 - + Các học phần tự chọn: 18
- Luận văn thạc sĩ: 15 tín chỉ

5.2. Danh mục các học phần

TT	Mã số HP	Học kỳ	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)		
				Tổng số	LT	TH, TN, TL
I. Khối kiến thức chung (bắt buộc)				7	7	
1	MFF1004	1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3	
2	MUU1001	1	Triết học	4	4	
II. Phần kiến thức cơ sở và ngành				38	38	
Các học phần bắt buộc				8	8	
3	MMA4001	2	Kinh tế lượng và ứng dụng	3	3	
4	MAA4009	2	Kế toán tài chính nâng cao	2	2	
5	MAU4012	3	Phân tích dữ liệu kế toán và kiểm toán nâng cao	3	3	
Các học phần chuyên đề bắt buộc				12	12	
6	MAU4001	1	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán và kiểm toán	3	3	

7	MAA4002	1	Lý thuyết kế toán	3	3	
8	MAU4003	2	Kiểm toán	3	3	
9	MAU4007	3	Kế toán quản trị	3	3	
<i>Các học phần tự chọn</i>				18	18	
10	MEE4026	1	Kinh tế học quản lý	2	2	
11	MKB4019	1	Pháp luật về Công ty	2	2	
12	MBB4008	1	Quản trị chiến lược	2	2	
13	MAA4006	2	Kế toán công	2	2	
14	MAA4013	2	Thuế và quản lý thuế nâng cao	2	2	
15	MAU4008	2	Kế toán quốc tế	2	2	
16	MFF4020	2	Tài chính quốc tế	2	2	
17	MAU4005	2	Hợp nhất báo cáo tài chính	2	2	
18	MAU4011	3	Phân tích báo cáo tài chính	2	2	
19	MFF4015	3	Quản trị tài chính	2	2	
20	MIM4002	3	Hệ thống thông tin kế toán	2	2	
21	MFF4013	3	Quản trị rủi ro tài chính	2	2	
22	MAU4010	3	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ	2	2	
Luận văn						
23	MUU6002	4	Luận văn thạc sĩ	15	15	
Tổng số tín chỉ				60		

5.3. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần

3.5. Một quan hệ giữa chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo

STT	HỌC KỲ	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO										TỔNG SỐ
					KIẾN THỨC		KỸ NĂNG					MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM			
					A1	A2	B3	B4	B5	B6	B7	C8	C9		
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	
1	1	MFF1004	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	5		4					4		3	
2	1	MUU1001	Triết học	4	5		4					4		3	
3	1	MAU4001	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán và kiểm toán	3			4	4	4			4		4	
4	1	MAA4002	Lý thuyết kế toán	3			4	4	4			4		4	
5	1	MEE4026	Kinh tế học quản lý	2	5		4						4	3	
6	1	MKB4019	Pháp luật về Công ty	2	5		4		4					3	
7	1	MBB4008	Quản trị chiến lược	2	5		4		4					3	
8	1	MAA4006	Kế toán công	2		5					4		4	3	
9	2	MAU4003	Kiểm toán	3		5		4				4		3	

STT	HỌC KỲ	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO									TỔNG SỐ
					KIẾN THỨC		KỸ NĂNG					MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM		
					A1	A2	B3	B4	B5	B6	B7	C8	C9	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]
10	2	MAA4009	Kế toán tài chính nâng cao	2		5				4	4		4	4
11	2	MMA4001	Kinh tế lượng và ứng dụng	3	5			4				4		3
12	2	MAA4013	Thuế và quản lý thuế nâng cao	2	5		4			4			4	4
13	2	MAU4008	Kế toán quốc tế	2		5					4		4	3
14	2	MFF4020	Tài chính quốc tế	2	5		4		4					3
15	3	MAU4005	Hợp nhất báo cáo tài chính	2		5				4	4		4	4
16	3	MAU4007	Kế toán quản trị	3		5		4			4			3
17	3	MAU4012	Phân tích dữ liệu kế toán và kiểm toán nâng	3				4	4		4	4		4

STT	HỌC KỲ	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO									TỔNG SỐ
					KIẾN THỨC		KỸ NĂNG					MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM		
					A1	A2	B3	B4	B5	B6	B7	C8	C9	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]
			cao											
18	3	MAU4011	Phân tích báo cáo tài chính	2			4		4	4				3
19	3	MFF4015	Quản trị tài chính	2	5		4					4		3
20	3	MIM4002	Hệ thống thông tin kế toán	2		5			4	4				3
21	3	MFF4013	Quản trị rủi ro tài chính	2	5		4						4	3
22	3	MAU4010	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ	2		5					4	4	4	4
23	4	MUU6002	Luận văn thạc sỹ	15		5	4	4	4				4	5

6. Kế hoạch đào tạo

6.1. Thời gian đào tạo toàn khoá: 02 năm

6.2. Khung kế hoạch đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)			HP tiên quyết
			Tổng	LT	TH, TN, TL	
I. Học kỳ 1			17			
Học phần bắt buộc			13			
1	MFF1004	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3		
2	MUU1001	Triết học	4	4		
3	MAU4001	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán và kiểm toán	3	3		
4	MAA4002	Lý thuyết kế toán	3	3		
Học phần tự chọn (3 môn chọn 2)			4	4		
5	MEE4026	Kinh tế học quản lý	2	2		
6	MKB4019	Pháp luật về Công ty	2	2		
7	MBB4008	Quản trị chiến lược	2	2		
II. Học kỳ 2			16	16		
Học phần bắt buộc			8	8		
8	MMA4001	Kinh tế lượng và ứng dụng	3	3		
9	MAU4003	Kiểm toán	3	3		
10	MAA4009	Kế toán tài chính nâng cao	2	2		
Học phần tự chọn (5 môn chọn 4)			8	8		
11	MAA4006	Kế toán công	2	2		
12	MAA4013	Thuế và quản lý thuế nâng cao	2	2		

13	MAU4008	Kế toán quốc tế	2	2		
14	MFF4020	Tài chính quốc tế	2	2		
15	MAU4005	Hợp nhất báo cáo tài chính	2	2		
III. Học kỳ 3			12	12		
<i>Học phần bắt buộc</i>			6	6		
16	MAU4007	Kế toán quản trị	3	3		
17	MAU4012	Phân tích dữ liệu kế toán và kiểm toán nâng cao	3	3		
<i>Học phần tự chọn (5 môn chọn 3)</i>			6	6		
18	MAU4011	Phân tích báo cáo tài chính	2	2		
19	MFF4015	Quản trị tài chính	2	2		
20	MIM4002	Hệ thống thông tin kế toán	2	2		
21	MFF4013	Quản trị rủi ro tài chính	2	2		
22	MAU4010	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ	2	2		
IV. Học kỳ 4			15			
23	MUU6002	Luận văn thạc sĩ	15	15		

7. Quy trình đào tạo

7.1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

Căn cứ Quyết định số 393/QĐ-ĐHKTL ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Luật.

7.2. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Phân bổ thời gian đào tạo: theo khung kế hoạch đào tạo

Phương pháp dạy và học

Phương pháp dạy học tích cực được vận dụng. Giảng viên sẽ đưa ra những gợi ý mang tính gợi mở để học viên tư duy, thảo luận và đưa ra kết luận cuối cùng. Phương pháp này giúp phát huy khả năng sáng tạo, sự chủ động và tính tích cực của người học. Chương trình học, đề cương môn học, bài giảng, tài liệu học tập sẽ cung cấp cho người học trước môn học. Công việc kiểm tra, đánh giá cụ thể rõ ràng, và có thời gian cụ thể. Bên cạnh đó, các tình huống giả định, mang tính tư duy, suy luận, phân tích sẽ được cung cấp ở từng bài giảng, từng chương nhằm phát huy khả năng suy luận và tư duy logic cho học viên.

Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá đa dạng nhằm đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học cũng như giúp học viên tự đánh giá khả năng tiếp thu và mức độ đáp ứng các chuẩn đầu ra của bản thân người học, bao gồm các phương pháp: tự đánh giá, đánh giá chéo, vấn đáp, kiểm tra viết, tình huống, ... Áp dụng các quy trình đánh giá để bảo đảm đến mức tối đa rằng các kế hoạch kiểm tra đánh giá đều có giá trị, đáng tin cậy, và được thực hiện một cách công bằng

7.3. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên đáp ứng đủ các điều kiện theo Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và Quyết định số 393/QĐ-ĐHKTL ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Luật.

Điều kiện tốt nghiệp có thể thay đổi theo Quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Luật và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

7.4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Theo hệ thống đào tạo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

Việc kiểm tra đánh giá bao gồm: Đánh giá học viên bằng kết quả đầu vào; Đánh giá sự tiến bộ trong học tập của học viên thông qua chuẩn đầu ra của các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; Đánh giá luận văn thạc sĩ của học viên;

Giảng viên sử dụng nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá khác nhau và phù hợp với đề cương học phần để đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc học phần. Phạm vi và trọng số của các kế hoạch kiểm tra đánh giá rõ ràng và được

phổ biến đến mọi đối tượng quan tâm. Các tiêu chuẩn áp dụng trong các kế hoạch kiểm tra đánh giá minh bạch và nhất quán trong toàn bộ chương trình đào tạo;

Các đơn vị chức năng áp dụng các quy trình phù hợp để bảo đảm các kế hoạch kiểm tra đánh giá có giá trị, đáng tin cậy, và được thực hiện một cách công bằng).

8. Cách thức đánh giá

8.1. Đánh giá học phần (Điều 15 – Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG)

1. Quy định chung: Môn học được đánh giá bởi các điểm thành phần (bài tập, kiểm tra định kỳ, tiểu luận, thi kết thúc môn học) và điểm tổng kết. Số điểm thành phần ít nhất là 2, trong đó điểm thi kết thúc môn học là thành phần bắt buộc. Thi kết thúc môn học có thể theo hình thức tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp hoặc báo cáo tiểu luận.

2. Tổ chức đánh giá môn học:

a) Điểm tổng kết môn học là điểm trung bình theo trọng số các điểm đánh giá thành phần lấy đến một chữ số thập phân. Môn học đạt yêu cầu từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10.

b) Điểm đánh giá thành phần và điểm tổng kết phải được ghi đầy đủ trong bảng điểm môn học theo biểu mẫu do CSĐT quy định, có chữ ký của giảng viên phụ trách môn học và trưởng đơn vị chuyên môn. Bảng điểm môn học phải được lưu giữ theo quy định hiện hành.

c) Đối với môn học được đào tạo theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến, thủ trưởng CSĐT quy định hình thức thi trực tiếp hoặc trực tuyến.

3. Thủ trưởng CSĐT quy định chi tiết về điều kiện thi kết thúc môn học, hình thức đánh giá môn học đề thi, số lần kiểm tra, trọng số các điểm thành phần môn học, quy tắc làm tròn điểm thi; quy định thang điểm quy đổi điểm chữ, điểm số và xếp loại theo quy chế hiện hành, xử lý khiếu nại, vi phạm trong quá trình đánh giá môn học.

8.2. Đánh giá luận văn (Điều 20 – Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG)

9. Đội ngũ giảng dạy

9.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Ngành đào tạo (cao nhất)	Học phần giảng dạy
1	GS.TS Nguyễn Thị Cảnh	1954	Tiến sĩ	Tài chính	Phương pháp nghiên cứu khoa học
2	TS Phạm Quốc Thuần	1974	Tiến sĩ	Kinh doanh &	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế

				Quản lý	toán và kiểm toán; Thuế và quản lý thuế nâng cao
3	TS Nguyễn Vĩnh Khương	1990	Tiến sĩ	Kinh doanh & Quản lý	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán và kiểm toán; Phân tích dữ liệu kế toán và kiểm toán nâng cao
4	TS Phạm Hoàng Uyên	1976	Tiến sĩ	Toán ứng dụng	Kinh tế lượng & ứng dụng
5	TS Nguyễn Thị Lan Anh	1969	Tiến sĩ	Quản trị tài chính	Kế toán quốc tế; Chuyên đề 4: Kế toán quản trị
6	TS Hồ Xuân Thủy	1976	Tiến sĩ	Kinh doanh & Quản lý	Hợp nhất báo cáo tài chính; Kế toán tài chính nâng cao
7	PGS.TS Phan Đức Dũng	1967	Tiến sĩ	Kinh doanh & Quản lý	Hợp nhất báo cáo tài chính; Phân tích báo cáo tài chính
8	TS Nguyễn Thanh Liêm	1985	Tiến sĩ	Kinh tế	Quản trị tài chính Quản trị rủi ro tài chính
9	TS Nguyễn Thị Khoa	1968	Tiến sĩ	Kinh tế	Phân tích báo cáo tài chính; Kế toán công
10	TS Trần Hùng Sơn	1981	Tiến sĩ	Kinh tế	Quản trị tài chính Quản trị rủi ro tài chính
11	TS Nguyễn Hoàng Diệu Hiền	1987	Tiến sĩ	Tài chính ngân hàng	Chuyên đề 2: Lý thuyết kế toán; Phân tích dữ liệu kế toán kiểm toán nâng cao
12	PGS- TS Hoàng Công Gia Khánh	1975	Tiến sĩ	Tài chính	Tài chính quốc tế

13	PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng	1961	Tiến sĩ	Kinh tế học	Kinh tế học quản lý
14	PGS.TS Đỗ Phú Trần Tình	1979	Tiến sĩ	Kinh tế	Kinh tế học quản lý
15	PGS.TS Nguyễn Hồng Nga	1968	Tiến sĩ	Kinh tế học	Kinh tế học quản lý
16	PGS.TS Lê Vũ Nam	1969	Tiến sĩ	Luật học	Pháp luật về Công ty
17	PGS.TS Dương Anh Sơn	1964	Tiến sĩ	Luật học	Pháp luật về Công ty
18	PGS.TSKH Phạm Đức Chính	1959	Tiến sĩ	Kinh tế	Quản trị chiến lược
19	PGS.TS Hồ Trung Thành	1975	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Hệ thống thông tin kế toán

9.2. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Ngành đào tạo (cao nhất)	Học phần giảng dạy
1	TS Nguyễn Thị Thanh Hà		Tiến sĩ	Triết học	Triết học
2	PGS.TS Vũ Tình		Tiến sĩ	Triết học	Triết học
3	TS Nguyễn Thị Thu Hiền	1967	Tiến sĩ	Kinh doanh & Quản lý	Kế toán quốc tế; Chuyên đề 3: Kiểm toán
4	PGS.TS Trần Thị Giang Tân	1958	Tiến sĩ	Kinh doanh & Quản lý	Chuyên đề 3: Kiểm toán
5	PGS.TS Nguyễn Xuân Hưng	1966	Tiến sĩ	Kinh doanh & Quản lý	Kế toán tài chính nâng cao

6	TS Nguyễn Ngọc Khánh Dung	1982	Tiến sĩ	Kinh doanh & Quản lý	Chuyên đề 4: Kế toán quản trị
7	TS Đặng Văn Cường	1982	Tiến sĩ	Kinh tế	Thuế và quản lý thuế nâng cao; Kế toán công
8	TS Đặng Đình Tân	1969	Tiến sĩ	Kinh doanh & quản lý	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ; Kiểm toán
9	TS Trần Khánh Lâm	1975	Tiến sĩ	Kinh doanh & quản lý	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ; Kiểm toán
10	TS Phạm Văn Chững	1960	Tiến sĩ	Toán ứng dụng	Kinh tế lượng và ứng dụng

10. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng (phòng)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần / môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	2610		2010	Kiên cố
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	2	550	3	2010	Kiên cố
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	8	1190		2010	Kiên cố

1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	74	6121	19	2010	Kiên cố
1.5	Số phòng học đa phương tiện	3	300	3	2017	Kiên cố
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	28	3223.5		2012	Kiên cố
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1912		2015	Kiên cố

Nguồn: Phòng Quản trị tài sản

11. Kế hoạch bảo đảm chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo

- Về bảo đảm chất lượng:

Xây dựng và cập nhật CTĐT, thực hiện đánh giá các CTĐT theo tiêu chuẩn Bộ GD&ĐT; Tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan: nhà tuyển dụng, cựu SV, người học... về hoạt động đào tạo; Biên soạn, cập nhật giáo trình, bài giảng để bổ sung tài liệu học tập; Đổi mới PPGD, phương pháp đánh giá phù hợp; Phối hợp lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy, xử lý kết quả để cải thiện chất lượng công tác giảng dạy; Phối hợp tổ chức kiểm tra, thi đúng quy định và đảm bảo nghiêm túc, an toàn; Tổ chức hoặc đồng tổ chức hoặc tham gia tổ chức các hội thảo khoa học chuyên Ngành có sự tham gia của các doanh nghiệp và các nhà khoa học uy tín để trao đổi kinh nghiệm; Lập kế hoạch hàng năm về mục tiêu chất lượng và đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu chất lượng; Tuyển dụng thêm các GV có trình độ chuyên môn cao, đảm bảo đủ tiêu chuẩn giảng và nghiên cứu

- Về kiểm định chương trình: Theo kế hoạch chung của Trường

12. Mô tả văn tắt nội dung học phần, khối lượng các học phần và luận văn

STT	Môn học	TC	Môn học tiên quyết	Mô tả môn học
1	Triết học	4TC	Không	Môn học trang bị cho học viên những nội dung chuyên sâu về thế giới quan, phương pháp luận triết học. Giúp người học vận dụng những tri thức về thế giới quan, phương pháp luận triết học một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.

2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3 TC	Không	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán kiểm toán được giảng dạy với các nội dung chính: tìm hiểu tổng quan về nghiên cứu khoa học; các bước tiến hành một nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu định lượng; phương pháp nghiên cứu định tính; phương pháp nghiên cứu hỗn hợp; phương pháp thiết kế nghiên cứu; phương pháp xây dựng thang đo; phương pháp thu thập mẫu; Phương pháp trình bày báo cáo nghiên cứu.
3	Chuyên đề 1: Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán và kiểm toán	3 TC	Không	Chuyên đề nghiên cứu 1: nghiên cứu khoa học trong kế toán kiểm toán bao gồm hai nội dung chính: Phần 1: Trình bày những Phương pháp nghiên cứu khoa học thường được sử dụng trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Xu hướng nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán kiểm toán. Phần 2: Môn học còn cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về phương pháp định lượng trong kế toán; trang bị những kỹ năng phân tích định lượng trong nghiên cứu khoa học và phân tích thực tiễn. Cụ thể Phân tích với dữ liệu sơ cấp; Phân tích cấu trúc tuyến tính; Phân tích hồi quy dữ liệu bảng.
4	Chuyên đề 3: Kiểm toán	3 TC	Không	Nội dung môn học bao gồm những kiến thức liên quan khái niệm, nguyên tắc kiểm toán chuyên sâu và vận dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến tổ chức công tác kiểm toán – cụ thể là kiểm toán độc lập trong nền kinh tế hiện nay. Môn học cũng cập nhật những vấn đề đương thời của ngành kiểm toán và các hướng nghiên cứu mới trong ngành.
5	Chuyên đề 4: Kế toán quản trị	3 TC	Không	Môn Kế toán quản trị và nghiên cứu về kế toán quản trị được giảng dạy với các nội dung chính: lập dự toán, xây dựng định mức để kiểm soát chi phí, lập các báo cáo quản trị và đánh giá thành quả hoạt động của doanh nghiệp.

6	Hệ thống thông tin kế toán	2 TC	Không	Nội dung chính của môn học bao gồm các vấn đề về phân tích và đánh giá sự ảnh hưởng của công nghệ thông tin đối với công tác kế toán, tổ chức kiểm soát hệ thống kế toán trong môi trường hệ thống thông tin, môi trường ERP; tổ chức phân tích, thiết kế, kiểm soát và đánh giá quá trình vận hành hệ thống thông tin kế toán, và các vấn đề tổ chức và cải tiến các qui trình kinh doanh trong doanh nghiệp nhằm đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của trong quản trị và điều hành. Môn học mang tính liên ngành cao và được xem là cầu nối liên kết các môn học khác thuộc chuyên ngành kế toán, giúp cho người học có thể phối hợp vận dụng kiến thức đã học trong công tác vận hành, quản trị doanh nghiệp dựa trên nền tảng hệ thống thông tin và trong nghiên cứu chuyên sâu.
7	Chuyên đề 2: Lý thuyết kế toán	3 TC	Không	Môn học bao gồm các kiến thức chuyên sâu về lý thuyết kế toán, cụ thể: Khuôn mẫu lý thuyết thông tin tài chính và quá trình hình thành khuôn mẫu; Tổng quan về lý thuyết kế toán, Các phương pháp tiếp cận của lý thuyết kế toán; Khuôn mẫu lý thuyết kế toán; Cấu trúc lý thuyết kế toán; Các phương pháp tính giá trong kế toán. Môn học này có quan hệ mật thiết với môn Kế toán tài chính nâng cao với vai trò lý giải và phân biện các nguyên tắc chi phối các hệ thống kế toán tài chính hiện hành.
8	Hợp nhất báo cáo tài chính	2 TC	Không	Môn học đảm bảo cho người học những kiến thức nền tảng về hợp nhất kinh doanh và lập BCTC HN như: HNKD theo phương pháp mua, xử lý các giao dịch nội bộ, áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh. Đồng thời mở rộng kiến thức về kế toán hợp nhất kinh doanh và lập BCTC HN liên quan một số các vấn đề phức tạp như rủi

				ro và phòng ngừa rủi ro TGHH, chuyển đổi và hợp nhất BCTC được lập bằng ngoại tệ.
9	Kế toán tài chính nâng cao	2 TC	Không	Môn học đảm bảo cho người học những hiểu biết chuyên sâu về kế toán tài chính theo quy định của VN, áp dụng những nguyên tắc ghi nhận, đánh giá để xử lý các giao dịch phức tạp trong doanh nghiệp và trình bày, công bố các khoản mục liên quan đến các giao dịch phức tạp trên báo cáo tài chính. Đồng thời, môn học cũng cung cấp cho người học những vấn đề đang được nghiên cứu phổ biến trong lĩnh vực kế toán tài chính chủ yếu liên quan đến Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, chất lượng BCTC...
10	Phân tích dữ liệu kế toán và kiểm toán nâng cao	3 TC	Không	Môn học sẽ cung cấp kiến thức về ngôn ngữ lập trình python và ứng dụng vào trực quan hóa một số dữ liệu kế toán, kiểm toán, đồng thời phân tích dữ liệu kế toán kiểm toán. Đầu tiên môn học giới thiệu sơ lược ngôn ngữ lập trình Python thông qua các biến, các dạng dữ liệu, cách sử dụng vòng lặp, và một số hàm, thư viện cần thiết. Tiếp theo, việc đọc dữ liệu thông qua bảng biểu, file Excel, CSV hay bất kỳ loại dữ liệu dạng bảng khác cần phải được thực hiện. Sau đó, thao tác làm sạch dữ liệu, chuẩn bị dữ liệu ở trạng thái sẵn sàng cho việc trực quan rất cần thiết. Vấn đề trực quan hóa dữ liệu được thực hiện giúp chuyển dữ liệu thô sơ thành các biểu đồ dễ sử dụng, dễ hình dung. Việc phân tích dữ liệu giúp ích cho người dùng có thể phân tích một số dữ liệu phục vụ công tác kế toán kiểm toán tốt hơn.
11	Thuế và quản lý thuế nâng cao	2 TC	Không	Môn Thuế và quản lý thuế nâng cao được giảng dạy với các nội dung chính: tìm hiểu tổng quan về thuế; Luật Quản lý thuế; Phân biệt những điểm tương đồng và khác biệt giữa tránh thuế và trốn thuế; Phương pháp tính thuế, khai báo thuế và hoạch định chính

				sách thuế tại đơn vị đối với các sắc thuế phổ biến như thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhà thầu, thuế thu nhập cá nhân.
12	Kế toán quốc tế	2 TC	Không	Môn học gồm 8 chương có các nội dung về kế toán trong công ty đa quốc gia và báo cáo hợp nhất. Học viên xử lý được các vấn đề kế toán quốc tế chuyên sâu trong các công ty hợp doanh, công ty cổ phần cũng như hoạt động đầu tư quốc tế.
13	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ	2 TC	Không	Môn học Kiểm soát và kiểm toán nội bộ bao gồm các nội dung chính: tổng quan về kiểm toán nội bộ, bao gồm các khái niệm, nguyên tắc; khung chuẩn mực kiểm toán nội bộ quốc tế. Môn học còn thảo luận các vấn đề liên quan đến cơ chế quản trị doanh nghiệp; quản lý rủi ro; hệ thống kiểm soát nội bộ; các quy trình kinh doanh và rủi ro; gian lận và vai trò của hoạt động kiểm toán nội bộ đối với các nội dung trên.
14	Kế toán công	2 TC	Không	Môn Kế toán công được giảng dạy với các nội dung chính như sau: tổng quan về kế toán công (tài chính công và hệ thống quản lý tài chính nhà nước, thu – chi NSNN, khái quát về hệ thống kế toán công, kế toán công trong các đơn vị HCSN); kế toán các phần hành cơ bản trong các đơn vị HCSN; đặc điểm hệ thống chứng từ và sổ kế toán trong các đơn vị HCSN; hệ thống báo cáo kế toán (BCTC và báo cáo quyết toán NSNN).
15	Pháp luật về Công ty	2 TC	Không	Pháp luật về Công ty là môn học được dạy ở bậc cao học, tập trung vào các chủ đề có tính chất nền tảng lý thuyết xoay xung quanh các tính chất cơ bản của công ty, trong đó có tính trách nhiệm hữu hạn và tư cách pháp nhân, lý thuyết đại diện (agency problem), và chủ đề có liên quan là quản trị công ty (corporate governance). Môn học cung cấp các kiến

				thức chuyên sâu về thành lập công ty và các loại hình công ty khác nhau, nghĩa vụ của người quản lý, điều hành và các mô hình quản trị công ty khác nhau theo pháp luật Việt Nam. Môn học cũng giới thiệu về các kỹ năng nghiên cứu pháp lý và đề cao tính nguyên gốc trong hoạt động nghiên cứu, trong đó đặt ra vấn đề về dẫn nguồn và tránh đạo văn trong soạn thảo.
16	Tài chính quốc tế	2 TC	Không	Môn Tài chính quốc tế giới thiệu về cấu tạo, cơ chế vận hành và hoạt động các hệ thống thị trường tài chính quốc tế; mối quan hệ qua lại trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ như tỷ giá hối đoái, lãi suất, lạm phát, thu nhập, cán cân thanh toán... cũng như kiến thức về quản trị rủi ro tỷ giá, các chế độ tỷ giá và các chính sách tỷ giá, chu chuyển vốn quốc tế và cán cân thanh toán quốc tế, đồng thời cung cấp các kiến thức có liên quan đến vai trò, vị trí và ảnh hưởng của tài chính quốc tế đến các hoạt động của các doanh nghiệp, công ty nhất là công ty đa quốc gia.
17	Quản trị chiến lược	2 TC	Không	Ở trình độ đại học học viên đã được trang bị kiến thức cơ bản của môn học. Sang trình độ cao học, môn học sẽ cung cấp những kiến thức nâng cao về nguyên lý quản trị chiến lược và vận dụng nó vào thực tiễn phát triển chiến lược trong doanh nghiệp bao gồm các công việc như hoạch định sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu và chiến lược; tổ chức thực hiện chiến lược; kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp. Trong đó chú trọng đến việc xây dựng và phát triển lợi thế cạnh tranh, tư duy và kỹ năng xây dựng các ma trận để hỗ trợ việc xây dựng và lựa chọn chiến lược.
18	Phân tích báo cáo tài	2 TC	Không	Phân tích BCTC được giảng dạy với các nội dung chính như sau: tổng quan về phân tích

	chính			BCTC; đánh giá tình hình tài chính; phân tích cấu trúc tài chính, khả năng thanh toán và rủi ro của doanh nghiệp; dự báo về lợi nhuận và dòng tiền trong tương lai của doanh nghiệp.
19	Kinh tế học quản lý	2 TC	Không	Môn học giúp người học hiểu được các nguyên lý để thúc đẩy mục tiêu của tổ chức cũng như hiểu biết tốt hơn về môi trường kinh doanh bên ngoài, những vấn đề mà các nhà quản lý phải đối mặt trong phạm vi chức năng của tổ chức cũng như các chiến lược mà họ phải tính đến. Ngoài ra, người học cũng sẽ được áp dụng các kỹ thuật phân tích và công cụ định lượng để kết nối các khái niệm đã học đến việc đo lường và đưa ra quyết định.
20	Kinh tế lượng ứng dụng	3 TC	Không	Cung cấp cho học viên kỹ thuật đo lường và ước lượng về mặt thống kê mối quan hệ giữa các biến số kinh tế cũng như dự đoán tương lai dựa trên cơ sở của những phân tích khoa học về dữ liệu đã thu thập được
21	Quản trị rủi ro tài chính	2 TC	Không	Cung cấp những kiến thức cơ bản và nền tảng về rủi ro và phương pháp đánh giá, quản trị rủi ro trong lĩnh vực tài chính. Đây là môn học cốt lõi của ngành Tài chính – Ngân hàng, là môn học nền tảng hỗ trợ kiến thức cho các môn chuyên ngành như: quản trị tài chính, tài chính định lượng và đầu tư tài chính
22	Quản trị tài chính	2 TC	Không	Môn học Quản trị tài chính cung cấp những kiến thức cơ bản về các chủ đề định giá chứng khoán, quyết định tài trợ và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp. Các nội dung bao quát trong chương trình gồm: lý thuyết xác định quan hệ giữa rủi ro và tỷ suất lợi nhuận yêu cầu của các tài sản đầu tư, chi phí vốn và định giá chứng khoán, các lý thuyết cấu trúc vốn và chính sách cổ tức của doanh nghiệp và quyết định tài trợ dài hạn.

23	Luận văn	15 TC	Không	Đánh giá năng lực tiếp thu kiến thức và chuyển hóa các kiến thức trong chủ đề nghiên cứu. Thể hiện tư duy, khả năng tổng hoát hóa và ứng dụng các lý thuyết vào thực tiễn có tính sáng tạo, phê phán. Theo quy định của Khoa và của trường về nội dung và hình thức
----	----------	----------	-------	---

TRƯỞNG KHOA



Hồ Xuân Thủy



HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Công Gia Khánh

PHỔ
ẬT
MINH

PHỤ LỤC

VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ, CHỨNG NHẬN NGOẠI NGỮ ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021
của Giám đốc Đại học Quốc gia HCM)

1. Văn bằng được công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ

Theo Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ hiện hành của Giám đốc ĐHQG-HCM.

2. Chứng chỉ được công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ theo khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam.

a) Chứng chỉ trong nước

Học viên có chứng chỉ ngoại ngữ đạt bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tương đương B2 theo CEFR) của các CSĐT được Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQG – HCM công nhận.

b) Chứng chỉ quốc tế

STT	Ngoại ngữ	Chứng chỉ	Thang điểm tối thiểu B2
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	46
		IELTS	5.5
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 400; Đọc: 385 Nói: 160; Viết: 150
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 400 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	JLPT N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-2